

24 Tháng Tám 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Xanh vỏ đỏ lòng

Sau phiên giảm mạnh hôm qua, tâm lý nhà đầu tư có vẻ bớt tiêu cực hơn trong hôm nay. Thị trường mở cửa trong sắc xanh, tăng nhẹ, nhưng nhanh chóng đảo chiều khi rơi vào vùng giảm điểm, đặc biệt nhóm Mid và Pennies lao dốc mạnh. Tuy nhiên, cuối phiên nhờ lực cầu vào mạnh ở nhóm Blue-chip VN30 đã giúp cho VN-Index hồi phục thành công về mức tham chiếu. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.298,7 điểm, giảm 0,1 điểm, tương ứng 0% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 23.432 tỷ đồng, HNX: 4.493 tỷ đồng, UPCOM: 1.871 tỷ đồng.

Phiên giao dịch chứng kiến sự phân hóa của nhóm cổ phiếu trụ và phần còn lại. Trong khi VN-Index với 228 mã giảm so với 145 mã tăng, thì nhóm VN30 có 22/30 mã tăng điểm giúp chỉ số này đóng cửa trong vùng xanh và VN-Index kết phiên ở mức tham chiếu. Nhóm còn lại tiêu biểu như Chứng khoán bị bán mạnh và giảm sâu như HCM, SSI, VND, VCI với mức giảm từ 6% - 7%.

Khối ngoại hôm nay mua bán cân bằng, giá trị mua ròng chỉ 30 tỷ. SSI được mua ròng với giá trị 156 tỷ, trong khi đó VND bị bán ròng với giá trị 120 tỷ.

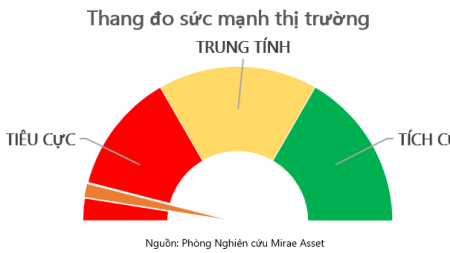
Phiên giao dịch mang hơi hướng tiêu cực khiến các điểm số kỹ thuật tiếp tục suy giảm. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đã xuống -7 (TIÊU CỰC). Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 15,6x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,298.74	-0.01	2.36	49.51
HNX	331.79	-0.91	9.95	169.40
UPCOM	91.13	-0.36	8.01	57.18
MSCI EM	1,237.53	1.37	-5.63	11.67
NIKKEI	27,732.10	0.87	0.67	20.65
HANG SENG	25,727.92	2.46	-5.83	0.69
KOSPI	3,138.30	1.56	-3.57	34.70
FTSE	7,108.11	-0.01	1.15	16.44
S&P 500	4,479.53	0.85	1.54	30.55
NASDAQ	14,942.65	1.55	0.71	31.31

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	15.66	2.52	16.30
SET INDEX	19.70	1.69	7.55
JCI INDEX	NA	1.95	-7.50
PCOMP	22.40	1.64	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.84	0	-22	-90
10 năm	2.08	0	-8	-82

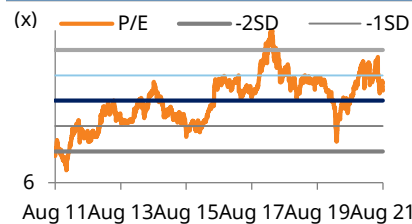
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,829	0.00	0.80	1.49
US\$/KRW	1,166	0.68	-0.93	1.99
US\$/JPY	110	-0.07	0.56	-3.46
US\$/EUR	0.85	0.15	0.64	0.51
US\$/GBP	0.73	0.12	0.82	-4.69
US\$/SGD	1.36	-0.04	0.10	1.02

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	1,071	910	613
HNX	175	148	87
UPCOM	82	67	39

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (24/08/2021)	Kháng cự 1	1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.270

Chạm ngưỡng hỗ trợ 1.270 - 1.300, có khả năng đà giảm của VN-Index được kiểm định tại vùng này.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (24/08/2021)	1.415	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.550
VN30 - đóng cửa	1.418	Hỗ trợ 1	1.450
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-3,1	Hỗ trợ 2	1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-6	TIÊU CỰC

VN30F1M có phiên giao dịch giằng co trong biên độ hẹp với spread trong ngày chỉ 20 điểm. Trong ngắn hạn VN30F1M có thể được kiểm định quanh mốc 1.400.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.8	7,105,680	-4	TIÊU CỰC	4,986	12.4	1.0
ACB	32.3	12,614,815	-6	TIÊU CỰC	87,273	9.0	2.2
AGR	16.3	3,956,945	4	KHẢ QUAN	3,456	9.9	1.5
ASM	13.8	4,434,220	-5	TIÊU CỰC	3,572	8.8	0.8
BCG	15.9	4,756,235	-2	TRUNG TÍNH	4,731	5.1	1.3
BID	39.4	2,274,130	-6	TIÊU CỰC	158,468	16.0	1.9
BSI	27.5	1,937,170	0	TRUNG TÍNH	3,343	12.3	2.0
BSR	17.6	15,273,865	-6	TIÊU CỰC	54,569	#N/A N/A	1.8
BVH	52.6	946,755	-4	TIÊU CỰC	39,046	21.7	1.9
CII	16.95	2,797,230	-3	TRUNG TÍNH	4,049	245.3	0.9
CTG	32.75	16,025,635	-6	TIÊU CỰC	157,388	9.6	1.7
CTR	78.2	1,055,585	-5	TIÊU CỰC	7,267	26.0	6.9
CTS	28.25	2,220,105	4	KHẢ QUAN	3,006	10.5	1.9
DBC	57.1	2,333,130	0	TRUNG TÍNH	6,580	5.3	1.4
DCM	23.6	6,705,755	2	TRUNG TÍNH	12,494	20.2	1.9
DDV	17.8	3,787,120	4	KHẢ QUAN	2,601	91.3	2.1
DGC	107.5	1,313,160	2	TRUNG TÍNH	18,391	18.3	4.1
DIG	30.6	13,485,365	-4	TIÊU CỰC	12,543	16.7	2.6
DPM	35.4	6,709,880	0	TRUNG TÍNH	13,853	12.2	1.6
DRC	31.5	3,194,390	-4	TIÊU CỰC	3,742	11.0	2.2
DXG	21.1	6,699,345	-6	TIÊU CỰC	10,936	13.3	1.3
FIT	19.9	12,100,290	2	TRUNG TÍNH	5,069	36.7	1.6
FLC	10.4	16,509,385	-7	TIÊU CỰC	7,384	4.1	0.8
FPT	91.9	3,547,575	-6	TIÊU CỰC	83,396	21.7	5.0
FRT	39.4	3,311,500	-4	TIÊU CỰC	3,112	46.7	2.4
FTS	52.8	944,915	0	TRUNG TÍNH	7,791	14.3	3.0
GAS	86	1,168,020	-6	TIÊU CỰC	164,600	21.1	3.5
GEX	22.6	8,358,945	-5	TIÊU CỰC	17,655	12.8	1.4
GMD	46.95	4,318,170	-5	TIÊU CỰC	14,150	34.6	2.3
GVR	34	6,374,860	-5	TIÊU CỰC	136,000	28.8	2.8
HAH	54.2	2,208,070	-4	TIÊU CỰC	2,569	12.2	2.2
HBC	13.75	5,699,290	-5	TIÊU CỰC	3,175	21.7	0.9
HCM	53.2	6,890,135	-2	TRUNG TÍNH	16,228	18.4	3.4
HDB	33.7	2,798,925	-6	TIÊU CỰC	53,710	10.2	2.1
HDC	62	1,073,145	-5	TIÊU CỰC	5,155	17.5	4.1
HDG	51.5	3,124,070	-6	TIÊU CỰC	8,427	11.8	2.4
HHV	19.5	5,149,860	2	TRUNG TÍNH	5,214	33.4	0.8
HNG	6.82	7,996,220	-5	TIÊU CỰC	7,560	#N/A N/A	0.9
HPG	47.75	27,305,390	-4	TIÊU CỰC	213,582	8.5	2.9
HSG	37.6	12,029,660	-4	TIÊU CỰC	18,389	4.9	1.9
IDC	34.7	3,096,890	-3	TRUNG TÍNH	10,410	20.5	2.7
IJC	25.15	8,002,960	-5	TIÊU CỰC	5,460	7.2	1.7
ITA	6.36	7,970,400	-3	TRUNG TÍNH	5,968	30.2	0.6
KBC	35.9	11,309,745	0	TRUNG TÍNH	16,864	20.0	1.6
KDC	59.3	2,159,890	-5	TIÊU CỰC	13,565	30.3	2.3
KDH	38	4,419,095	-6	TIÊU CỰC	23,677	19.3	2.7
KSB	27.6	2,612,620	-5	TIÊU CỰC	2,023	8.1	1.2
LCG	14.35	5,332,080	-2	TRUNG TÍNH	1,654	4.6	0.9
LPB	23.05	10,927,170	-6	TIÊU CỰC	27,743	10.4	1.8
MBB	28.55	16,950,300	-5	TIÊU CỰC	107,871	10.3	2.0
MBS	33.5	4,246,815	-2	TRUNG TÍNH	8,965	17.9	2.9
MSN	128.5	1,300,595	-6	TIÊU CỰC	151,699	71.9	7.1

MWG	160.5	1,144,395	-6	TIÊU CỰC	76,281	16.6	4.2
NAF	31.8	1,473,005	-4	TIÊU CỰC	1,513	26.0	2.3
NKG	33.5	8,092,495	-2	TRUNG TÍNH	7,316	4.9	1.6
NLG	40.95	4,000,145	-6	TIÊU CỰC	11,682	10.4	1.8
NTL	31.25	2,608,315	-4	TIÊU CỰC	1,906	6.2	1.7
NVB	28.1	3,174,075	-4	TIÊU CỰC	11,431	137.0	2.6
NVL	105.5	2,751,190	1	TRUNG TÍNH	155,465	29.3	4.6
PAN	26.9	2,693,730	-5	TIÊU CỰC	5,619	25.4	1.5
PC1	30.15	2,186,010	-4	TIÊU CỰC	5,764	12.5	1.4
PDR	86	3,346,765	-4	TIÊU CỰC	41,862	29.7	7.5
PET	24.4	3,748,965	-4	TIÊU CỰC	2,098	12.7	1.3
PLX	48.8	1,664,705	-6	TIÊU CỰC	60,698	15.8	2.5
POW	10.55	8,413,075	-6	TIÊU CỰC	24,707	9.7	0.8
PVD	17.6	6,851,225	-6	TIÊU CỰC	7,412	641.4	0.5
PVS	24.1	12,338,570	-6	TIÊU CỰC	11,519	20.8	0.9
PVT	20.6	5,892,155	-4	TIÊU CỰC	6,667	8.8	1.4
REE	57.9	1,039,550	-2	TRUNG TÍNH	17,894	10.0	1.5
ROS	4.85	10,856,905	-7	TIÊU CỰC	2,753	15.0	0.5
SBS	14.9	4,994,830	-2	TRUNG TÍNH	1,887	1,642.8	9.1
SBT	20.5	4,702,235	-2	TRUNG TÍNH	12,652	19.2	1.6
SCR	10.3	11,128,535	-6	TIÊU CỰC	3,773	12.9	0.8
SHB	27	18,536,850	-7	TIÊU CỰC	51,990	13.9	1.9
SHS	40	8,034,505	5	KHẢ QUAN	11,589	10.8	2.6
SMC	43.4	1,230,605	-6	TIÊU CỰC	2,644	2.8	1.2
SSI	61.2	16,252,255	-1	TRUNG TÍNH	40,081	21.7	3.5
STB	27.25	26,621,710	-6	TIÊU CỰC	51,372	14.2	1.6
SZC	42.6	1,855,210	-5	TIÊU CỰC	4,260	17.1	3.2
TCB	49	17,398,024	-6	TIÊU CỰC	171,740	10.6	2.1
TCH	18.2	6,949,575	-7	TIÊU CỰC	7,265	8.3	1.2
TNG	28.6	3,538,895	-2	TRUNG TÍNH	2,275	12.9	1.8
TPB	34.05	5,336,620	-6	TIÊU CỰC	36,490	8.1	1.8
TVB	24	2,042,355	3	TRUNG TÍNH	2,205	8.3	2.0
VCB	97	1,495,620	-3	TRUNG TÍNH	359,761	17.5	3.4
VCI	58.1	6,460,910	-2	TRUNG TÍNH	19,347	13.3	3.6
VCS	116.8	441,095	-5	TIÊU CỰC	18,688	12.3	4.4
VGC	33.6	1,895,705	0	TRUNG TÍNH	15,065	16.0	2.3
VGX	18.2	5,468,845	-2	TRUNG TÍNH	9,100	31.9	1.5
VHC	44.25	2,260,310	-2	TRUNG TÍNH	8,051	11.0	1.5
VHM	107.3	11,205,430	-6	TIÊU CỰC	359,403	10.8	3.7
VIB	35.85	1,721,140	-7	TIÊU CỰC	55,680	9.6	2.6
VIC	95.4	2,812,330	-7	TIÊU CỰC	363,019	56.5	4.1
VIX	28.65	4,643,390	4	KHẢ QUAN	3,659	5.2	1.7
VJC	122.8	727,900	7	KHẢ QUAN	66,510	423.2	3.9
VND	50	12,402,736	-4	TIÊU CỰC	21,451	10.0	2.2
VNM	86.3	3,519,955	-6	TIÊU CỰC	180,363	18.9	5.7
VOS	12.2	4,345,240	-2	TRUNG TÍNH	1,708	11.2	2.3
VPB	61	10,666,330	-2	TRUNG TÍNH	150,655	12.1	2.5
VRE	26.15	5,017,430	-6	TIÊU CỰC	59,421	21.9	2.0

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Mỹ cấp phép đầy đủ cho vaccine Covid-19 của Pfizer/BioNTech

Ngày 23/8, Cơ quan Quản lý thực phẩm và dược phẩm Mỹ (FDA) đã cấp phép đầy đủ cho vaccine Covid-19 của hãng dược phẩm Pfizer/BioNTech, quyết định được chờ đợi nhằm đẩy nhanh quá trình tiêm chủng ở Mỹ. Đây cũng là loại vaccine Covid-19 đầu tiên được FDA cấp phép đầy đủ trong bối cảnh các vaccine Covid-19 khác đến nay đều mới chỉ được cấp phép sử dụng khẩn cấp. FDA đã đưa ra quyết định trên sau 3 tháng xem xét đơn đề nghị cấp phép đầy đủ của 2 hãng dược phẩm Pfizer và BioNTech đối với vaccine Covid-19 mà 2 hãng này phối hợp sản xuất. Việc vaccine được cấp phép đầy đủ sẽ giúp Pfizer và BioNTech loại bỏ những hạn chế liên quan đến việc phân phối và quảng cáo sản phẩm. Với hơn một nửa tổng dân số Mỹ được tiêm chủng đầy đủ, các chuyên gia và quan chức chính quyền Tổng thống Joe Biden hy vọng rằng việc FDA cấp phép đầy đủ cho vaccine của Pfizer/BioNTech sẽ đóng vai trò là chất xúc tác, giúp đẩy nhanh quá trình tiêm chủng ở quốc gia này, góp phần làm giảm tâm lý lo ngại của người dân khi đi tiêm chủng.

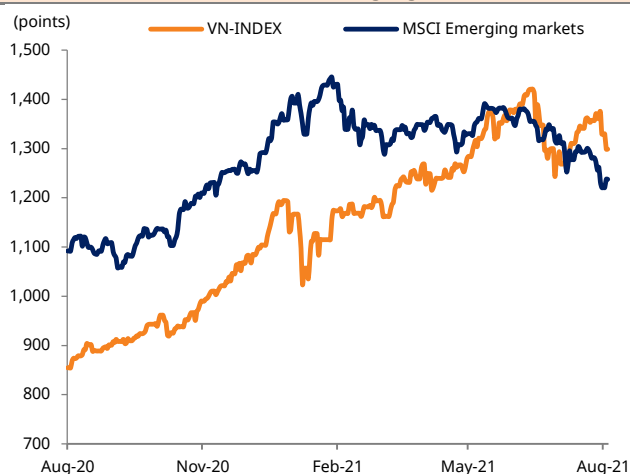
DCL: phát hành 2 triệu cổ phiếu ESOP

CTCP Dược phẩm Cửu Long (HOSE: DCL) sẽ phát hành thêm 2 triệu cổ phiếu ESOP, tương ứng tỷ lệ 3,5% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu gần bằng 1/4 thị giá cổ phiếu ở thời điểm hiện tại. Chốt phiên giao dịch ngày 23/8, giá cổ phiếu DCL đạt 44.600 đồng/cp, tăng 77% so với cuối năm ngoái. Số lượng cổ phiếu ESOP sẽ hạn chế chuyển nhượng 1 năm đối với cán bộ nhân viên cấp cao và 3 năm đối với cán bộ nhân viên phổ thông. Thời gian chào bán dự kiến trong tháng 7 hoặc tháng 8, sau khi được UBCKNN chấp thuận.

TGG: dự chi tối đa 56 tỷ đồng để sở hữu 51% SMT

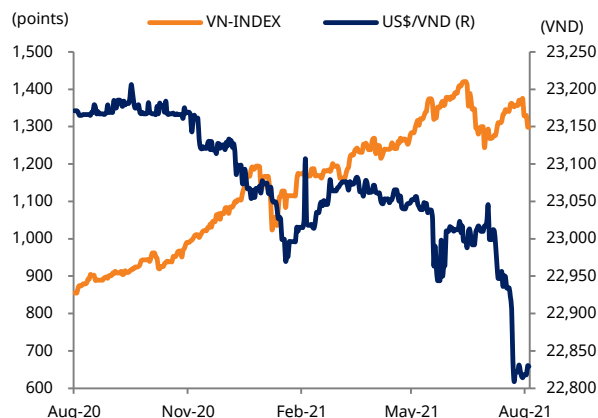
Ngày 23/08, HĐQT TGG đã thông qua việc mua cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của SMT (khoảng 2.8 triệu cp). Như vậy, sau khi mua thành công, TGG sẽ trở thành Công ty mẹ, nắm quyền chi phối tại SMT. Tổng giá trị giao dịch dự kiến tối đa đạt 56 tỷ đồng, tương ứng tối đa 20,000 đồng/cp.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



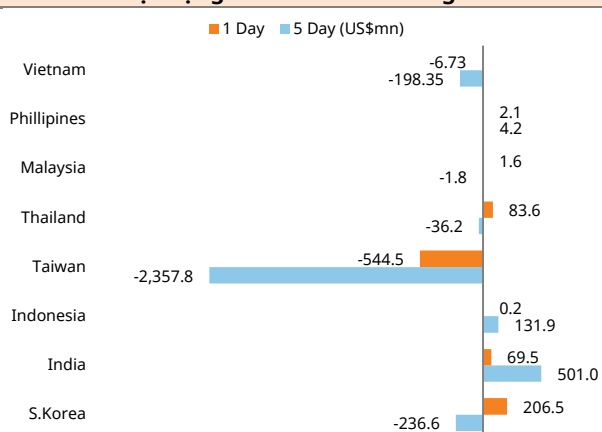
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



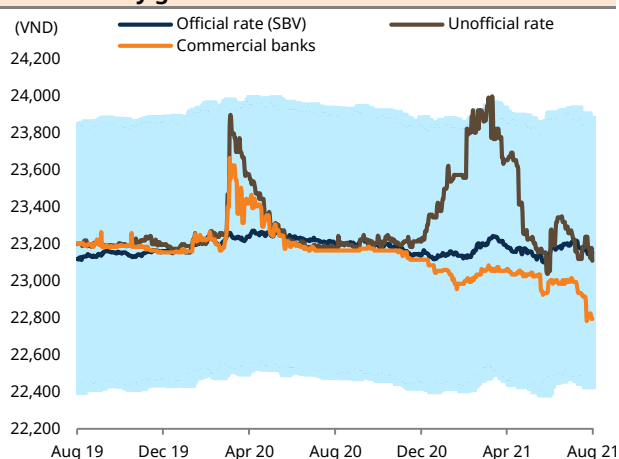
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



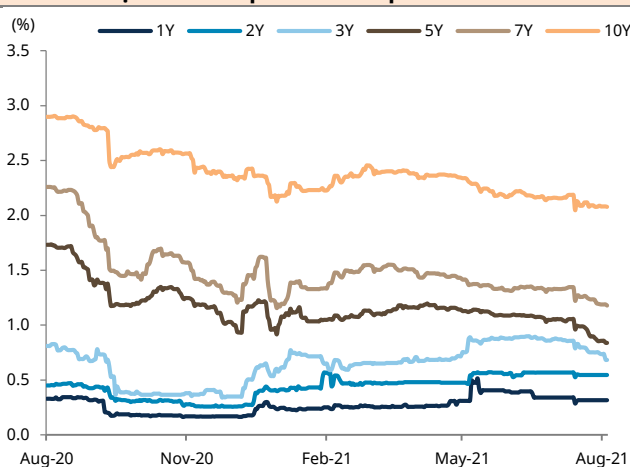
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



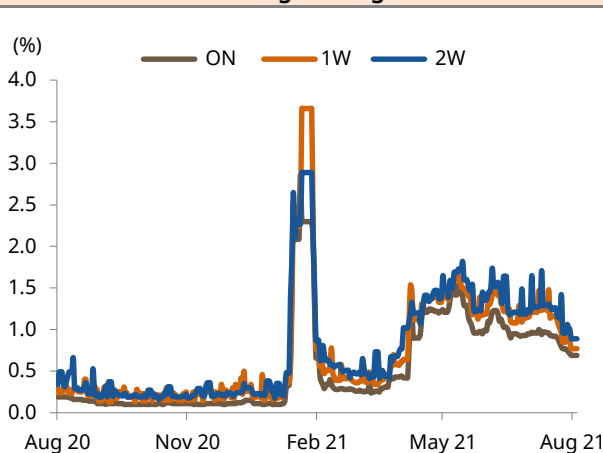
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,418.26	3,675,487		0.4	-5.1	1.2	75.2	13.5	11.6	2.5	2.1	36.2	16.4	22.7	20.5
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,300	87,273	30.0	0.9	-9.3	-2.1	92.3	9.1	7.5	1.9	1.6	26.3	21.6	24.2	23.0
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,400	158,468	16.7	0.3	-8.3	-2.0	-0.6	16.8	12.3	1.8	1.5	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	52,600	39,046	26.9	1.2	-1.9	4.4	12.2	22.8	20.2	1.9	1.7	11.2	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,750	157,388	24.4	0.2	-5.3	0.8	73.2	9.1	7.5	1.7	1.5	26.0	21.0	19.2	19.9
CTCP FPT	FPT VN	91,900	83,396	49.0	1.0	-2.0	1.5	118.1	20.7	17.2	4.5	3.9	24.0	20.0	24.5	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	86,000	164,600	2.6	0.2	-6.9	-2.3	17.8	17.6	14.5	3.2	2.9	20.9	22.1	18.9	21.1
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	34,000	136,000	0.6	-0.6	-9.3	9.7	184.5	29.2	26.7	2.6	NA	128.8	9.5	9.3	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	33,700	53,710	18.3	0.3	-5.7	4.2	97.2	9.8	8.1	1.8	1.5	31.1	20.2	21.5	20.9
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	47,750	213,582	26.5	0.5	-5.3	4.3	159.9	7.3	7.2	2.3	1.7	130.0	0.5	39.2	28.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	38,000	23,677	30.6	0.0	-7.8	-1.0	74.9	22.0	15.5	2.5	2.1	-7.7	41.6	12.9	15.8
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,550	107,871	22.2	-0.2	-8.5	2.9	151.3	9.1	7.6	1.6	1.4	42.6	20.6	22.1	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	128,500	151,699	33.3	1.2	-3.0	8.0	139.7	47.2	27.8	7.7	6.0	19,820.1	69.9	15.0	22.4
CTCP Thế giới di động	MWG VN	160,500	76,281	49.0	1.5	-5.5	-0.7	90.8	15.5	12.5	3.8	3.2	19.8	24.2	26.0	26.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	105,500	155,465	9.4	0.6	2.2	2.4	129.8	36.1	26.1	4.5	4.1	-541.2	38.6	16.0	14.5
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	86,000	41,862	3.6	4.6	-5.7	-2.9	318.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	48,800	60,698	17.8	0.6	-5.4	-2.8	0.6	17.6	14.9	2.5	2.4	334.9	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	88,300	20,076	48.9	-0.2	-7.5	-3.0	50.7	15.8	12.6	3.3	2.8	29.6	25.1	23.4	24.0
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,550	24,707	3.0	0.0	-7.0	0.5	4.5	11.5	10.1	0.8	0.8	-8.1	14.4	7.4	8.0
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	142,400	91,318	62.6	1.7	-2.1	-7.3	-22.2	18.2	15.8	4.0	3.5	9.4	15.3	24.2	24.4
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	61,200	40,081	48.0	-3.5	-0.2	20.9	308.0	30.5	24.8	4.5	4.2	2.3	23.0	14.1	14.5
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,250	51,372	16.1	0.9	-9.6	-5.1	141.2	21.3	13.6	1.6	1.4	6.6	57.0	8.6	12.2
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,000	171,740	22.5	0.5	-8.1	-1.0	133.9	10.2	8.5	1.9	1.5	36.3	20.4	20.5	20.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	34,050	36,490	30.0	0.7	-8.8	3.2	85.7	7.6	6.2	1.6	1.3	32.4	21.4	23.7	22.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,000	359,761	23.5	-0.3	-4.0	0.0	15.6	16.3	13.7	3.1	2.5	33.3	19.3	21.1	20.9
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	107,300	359,403	23.5	0.1	-3.3	-0.3	34.1	11.6	10.2	3.1	2.4	108.4	14.2	29.9	27.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	95,400	363,019	14.9	-0.8	-3.5	3.2	20.6	58.3	57.5	4.1	3.7	-134.2	1.4	9.3	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	122,800	66,510	18.3	2.1	4.7	8.3	22.8	163.7	25.1	3.6	3.0	-160.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	86,300	180,363	54.9	0.3	-3.4	-1.5	-11.1	17.8	16.6	5.5	5.3	1.4	7.5	32.5	33.6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,000	150,655	15.4	0.7	-6.3	4.3	162.9	9.6	10.0	1.8	1.5	48.5	-3.1	23.6	16.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	26,150	59,421	29.8	0.4	-6.8	-3.1	-2.8	24.7	18.2	1.9	1.7	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-0.12	4,897,146	0.0	-4.7	2.4	49.5	14.8	12.3	2.5	2.1	37.7	20.7	19.9	19.2
Ô tô và phụ tùng	0.00	8,601	0.2	-4.6	7.1	59.5	7.0	6.2	1.3	1.2	27.5	13.7	12.2	12.8
Ngân hàng	1.31	1,559,374	0.3	-6.7	-0.4	63.2	12.4	9.9	2.0	1.7	36.2	23.2	19.3	19.0
Xây dựng cơ bản	-0.96	182,123	-1.8	-5.5	9.3	74.8	7.3	6.1	1.5	0.4	14.9	23.5	7.7	8.2
Dịch vụ thương mại	0.02	4,987	2.0	-7.3	7.4	30.3	7.7	6.0	NA	NA	10.8	39.0	9.7	12.8
May mặc và trang sức	-0.11	42,505	-0.9	-6.2	0.5	112.9	12.0	9.9	2.4	2.0	36.3	22.1	17.4	18.0
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	8,410	-0.2	-0.9	7.7	37.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-1.59	107,735	-5.2	-3.5	26.0	285.7	11.5	9.3	1.7	1.6	2.4	23.0	5.3	5.4
Năng lượng	0.20	78,074	1.0	-6.1	-0.3	16.7	21.0	14.1	2.1	2.1	NA	42.1	14.0	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.97	517,199	0.7	-4.8	1.3	37.8	24.3	16.9	4.9	4.2	59.5	30.6	20.7	23.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	1,435	1.3	13.9	82.1	112.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,827	-0.7	-1.4	-1.2	-2.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.18	47,592	1.5	-4.5	3.9	18.4	19.5	16.6	1.6	1.4	17.5	12.8	7.9	7.4
Nguyên vật liệu	-0.56	501,617	-0.4	-7.1	9.5	161.1	65.0	12.6	2.0	0.9	NA	0.3	24.5	19.3
Giải trí và truyền thông	0.00	1,316	-1.1	-0.3	-0.7	-27.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.11	35,793	0.5	-6.2	6.9	25.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-0.14	1,176,394	-1.1	-2.6	2.8	17.2	8.6	7.5	1.4	1.3	3.9	15.0	8.6	8.9
Bán lẻ	0.32	85,429	0.0	-4.5	1.9	60.1	46.6	24.7	2.9	2.6	12.7	NA	15.5	14.6
Phần mềm và dịch vụ	0.25	89,398	1.4	-6.6	-0.1	85.0	15.1	11.9	3.5	2.9	32.6	24.8	23.7	24.7
Thiết bị và phần cứng	0.05	7,673	1.1	-1.8	4.1	115.3	19.3	16.1	4.2	3.7	26.4	20.5	22.8	23.6
Dịch vụ viễn thông	-0.01	1,421	2.7	5.9	25.8	253.6	17.5	14.1	5.0	3.8	59.5	24.0	31.5	25.8
Vận tải	0.04	177,263	-2.5	-12.9	5.5	262.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.01	247,889	0.2	-0.7	8.6	43.7	71.0	13.1	19.8	1.7	NA	NA	-52.3	19.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
PDR VN	86,000	4.6	4,269,700	0.5
MSN VN	128,500	1.2	1,302,200	0.5
SAB VN	142,400	1.7	194,300	0.4
VJC VN	122,800	2.1	1,511,400	0.4
MWG VN	160,500	1.5	1,060,900	0.3
HPG VN	47,750	0.5	21,929,400	0.3
VPB VN	61,000	0.7	8,345,400	0.3
NVL VN	105,500	0.6	2,427,200	0.2
TCB VN	49,000	0.5	16,213,400	0.2
FPT VN	91,900	1.0	3,081,500	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	95,400	-0.8	1,417,400	-0.8
SSI VN	61,200	-3.5	23,297,300	-0.4
VCI VN	58,100	-6.6	8,679,400	-0.4
HCM VN	53,200	-6.8	10,587,900	-0.3
VCB VN	97,000	-0.3	1,069,100	-0.3
GEX VN	22,600	-5.8	11,480,200	-0.3
GVR VN	34,000	-0.6	6,463,100	-0.2
DIG VN	30,600	-5.7	13,581,300	-0.2
DPM VN	35,400	-4.8	6,226,400	-0.2
VGC VN	33,600	-3.9	2,059,700	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.